

Số: 39/2014/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 19 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định một số chính sách ưu đãi,  
hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
TỈNH TRÀ VINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: .....
	Ngày: 05.12.2014
Chuyên: .....	

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế:

- Phối hợp với Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

- Theo dõi, kiểm tra tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; bãi bỏ các Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KHĐT, Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐ VP, UBND tỉnh;
- Đài PTTH TV, Báo Trà Vinh;
- Website Chính phủ;
- TT Tin học – Công báo;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH. *g7barr*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH <sup>TM</sup>**



---

**Đồng Văn Lâm**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định các nội dung ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh Trà Vinh đối với các hoạt động đầu tư nhằm mục đích kinh doanh theo Luật Đầu tư năm 2005 và các luật khác có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa theo Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định cơ chế thực hiện chính sách ưu đãi đối với các cơ sở xã hội hoá hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

c) Dự án đầu tư nhà ở xã hội theo Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, bao gồm:

1. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập theo Luật doanh nghiệp;

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã;

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Hộ kinh doanh, cá nhân;

5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam;

6. Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 3. Lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư**

#### **1. Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư**

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

#### **2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư**

Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

#### **3. Điều kiện hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 quy định này thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế và các luật có liên quan.

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

Thực hiện theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

### **Điều 5. Nguyên tắc thực hiện**

1. Đảm bảo thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định này trên nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Việc sử dụng đất thực hiện dự án phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

3. Trường hợp Chính phủ ban hành mới quy định điều chỉnh chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư thì nhà đầu tư áp dụng theo quy định của Chính phủ.

4. Không phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

## **Chương II CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

### **Điều 6. Chính sách thuế**

Các loại thuế, mức thuế suất, thời gian miễn, giảm các loại thuế liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ.

## **Điều 7. Chính sách đất đai**

Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; thời hạn giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

## **Điều 8. Hỗ trợ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng**

1. Bồi thường, giải phóng mặt bằng giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước; đầu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và hỗ trợ 20% chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư hoặc chi phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong cụm công nghiệp, mức hỗ trợ tối đa không vượt so với mức hỗ trợ của Trung ương.

## **Điều 9. Hỗ trợ kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng**

1. Đối với dự án đầu tư ngoài Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và Cụm Công nghiệp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch phát triển của cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thuộc danh mục lĩnh vực hoặc danh mục địa bàn khuyến khích đầu tư, ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư đường giao thông dẫn đến chân hàng rào dự án. Các công trình cấp điện, cấp nước các đơn vị chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi đầu tư xây dựng để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

2. Đối với nhà đầu tư, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước từ điểm đầu nối đến chân hàng rào các khu chức năng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp. Hỗ trợ 100% kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án và hỗ trợ sau khi hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí để tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông nêu tại khoản 1 và xây dựng đường giao thông, cấp điện, cấp nước nêu tại khoản 2, Điều này được ngân sách tỉnh hoàn trả trong 03 năm (ba năm) sau khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng và hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng (nếu có) theo hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại trong nước. Trường hợp ứng trước kinh phí bằng vốn của doanh nghiệp hoặc vay vốn của ngân hàng nước ngoài thì lãi suất hỗ trợ tính theo lãi suất ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Trà Vinh trong thời hạn nêu trên.

**Điều 10.** Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ tài sản trí tuệ; hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

1. Hỗ trợ tư vấn cho tạo lập, đăng ký và bảo hộ (bao gồm: thiết kế, khai thác, bảo hộ) tài sản trí tuệ.

a) Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.

- Đăng ký bảo hộ trong nước: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/1 nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 08 triệu đồng/1 nhãn hiệu độc quyền và tối đa không quá 30 triệu đồng/1 nhãn hiệu đối với nhãn hiệu tập thể.

- Đăng ký bảo hộ quốc tế: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/1 nhãn hiệu nhưng tối đa không quá 180 triệu đồng/1 nhãn hiệu (trong phạm vi 10 nước theo Thỏa ước Madrid). Một tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 03 nhãn hiệu.

b) Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp

- Đăng ký bảo hộ độc quyền trong nước: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/1 kiểu dáng nhưng tối đa không quá 25 triệu đồng/1 kiểu dáng. Một tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 kiểu dáng.

- Đăng ký bảo hộ độc quyền quốc tế, hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/1 kiểu dáng nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/1 kiểu dáng (trong phạm vi 5 nước được chỉ định độc lập). Một tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 kiểu dáng.

c) Đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích (gọi chung là giải pháp).

- Hỗ trợ trực tiếp trong quá trình thực hiện 20 triệu đồng/giải pháp.

- Đăng ký bảo hộ độc quyền trong nước: Hỗ trợ 30 triệu đồng/giải pháp.

- Đăng ký bảo hộ độc quyền quốc tế theo Hiệp ước PCT (Patent Cooperation Treaty): Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/giải pháp nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/giải pháp.

2. Hỗ trợ áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

Áp dụng công cụ 5S, Kaizen, TQM, KPI, COQ và các công cụ khác: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/công cụ nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng/công cụ. Một tổ chức, doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 04 công cụ.

## **Điều 11. Hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động**

1. Hỗ trợ tuyển dụng lao động

Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hỗ trợ tuyển dụng và đào tạo lao động cho doanh nghiệp, nhà đầu tư có nhu cầu tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch về cơ cấu tuyển dụng, liên hệ với cơ quan chức năng để được cung cấp thông tin về nguồn lao động tại địa phương và tư vấn về việc tuyển dụng lao động. Thiết lập mối quan hệ với các địa phương, các cơ sở đào tạo giúp cho nhà đầu tư tuyển dụng lao động và hoàn thành việc đào tạo theo yêu cầu. Doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng lao động được hỗ trợ 50% chi phí thông tin, thông báo tuyển

dụng lao động trên Đài phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, Đài truyền thanh huyện, thành phố. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án đầu tư.

## 2. Hỗ trợ đào tạo lao động

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên từ 500 đến dưới 5.000 lao động, nếu có nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động, nhà đầu tư xây dựng kế hoạch đào tạo và đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, sẽ được Nhà nước hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học, cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.000.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng/dự án.

- Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 250.000 đồng/người, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng/dự án.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng thường xuyên trên 5.000 lao động, được Nhà nước hỗ trợ đối với từng trường hợp sau khi được đào tạo hoàn thành khóa học, cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 1.000.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 500.000 đồng/người, tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500.000.000 đồng/dự án.

- Đào tạo tại doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp kết hợp với cơ sở dạy nghề tự đào tạo tại chỗ: có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp là 500.000 đồng/người; có thời gian đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ cho doanh nghiệp 250.000 đồng/người, tổng kinh phí tối đa không quá 250.000.000 đồng/dự án.

## **Điều 12. Hỗ trợ di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường**

Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thực hiện dự án đầu tư trước ngày 01/7/2006 (ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực) đang gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn phường, thị trấn, nơi đông dân cư được tỉnh khuyến khích di dời đến địa điểm mới phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, ngân sách hỗ trợ chi phí di dời theo thực chi, nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

## **Điều 13. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư, thương mại - du lịch**

### 1. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến đầu tư



Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay khứ hồi (hạng phổ thông) cho 01 người/tổ chức, doanh nghiệp cho nhà đầu tư, đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được Ủy ban nhân dân tỉnh mời làm đầu mối tham gia cùng đoàn của tỉnh đi xúc tiến đầu tư nước ngoài.

## 2. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại - du lịch

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh khi tham gia hội chợ, triển lãm để tìm kiếm, mở rộng thị trường. Cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh chọn tham gia Hội chợ - Triển lãm ở nước ngoài được hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng nhưng phải được cơ quan làm công tác xúc tiến thương mại - du lịch thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

b) Các doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp là đại lý) khi tham gia các cuộc Hội chợ - Triển lãm trong nước được tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng và chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia Hội chợ - Triển lãm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

## **Điều 14. Khen thưởng xúc tiến đầu tư**

1. Trừ cán bộ, công chức, viên chức được phân công trực tiếp thực hiện công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, kể cả người nước ngoài có công vận động, kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư triển khai đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, được khen thưởng xúc tiến đầu tư theo quy định dưới đây:

a) Đối với các dự án đầu tư trong nước có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên (nhà đầu tư ngoài tỉnh): Mức thưởng được tính bằng 0,2% trên tổng số vốn đầu tư của dự án (theo giá trị quyết toán tài sản cố định) nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

b) Đối với các dự án đầu tư nước ngoài (liên doanh, 100% vốn nước ngoài) có tổng vốn đầu tư từ 01 triệu USD trở lên: Mức thưởng bằng 0,2% trên tổng vốn đầu tư của dự án (theo giá trị quyết toán tài sản cố định) nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

2. Kinh phí chi thưởng trích từ nguồn kinh phí xúc tiến đầu tư được ngân sách tỉnh cấp hàng năm. Việc thanh, quyết toán tiền khen thưởng xúc tiến đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

## **Điều 15. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp**

Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có nhu cầu hỗ trợ chi phí để lập các hồ sơ: Hồ sơ thành lập doanh nghiệp (các loại hồ sơ theo quy định); lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; khắc dấu; trích đo địa chính (đăng ký qua Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh) sẽ được hỗ trợ một phần chi phí; mức hỗ trợ như sau:

1. Đối với nhà đầu tư nước ngoài

a) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 01 triệu USD đến dưới 05 triệu USD, hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án;

b) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 05 triệu USD đến dưới 10 triệu USD, hỗ trợ 70% chi phí, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án;

c) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 10 triệu USD trở lên, hỗ trợ 50% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.

2. Đối với nhà đầu tư trong nước

a) Dự án có tổng vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng, hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án;

b) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng, hỗ trợ 70% chi phí, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án;

c) Dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên, hỗ trợ 50% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.

**Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí một khoản kinh phí phù hợp trong dự toán ngân sách để thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

2. Trừ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư quy định tại Điều 8, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 9, các khoản hỗ trợ còn lại theo Quy định này được thực hiện sau đầu tư.

3. Dự án đầu tư được hỗ trợ theo quy định này phải đảm bảo tiến độ xây dựng theo giấy chứng nhận đầu tư, sau 12 tháng nhà đầu tư không triển khai hoặc dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, thì nhà đầu tư phải hoàn trả kinh phí đã hỗ trợ cho ngân sách.

**Chương III**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tạo mọi điều kiện thuận lợi, nhanh chóng trong thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Xử lý chuyên tiếp

a) Trường hợp các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại quy định này, ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đang được hưởng theo các Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì nhà đầu tư vẫn được bảo đảm hưởng các ưu đãi như quy định tại các Quyết định nêu trên cho thời gian còn lại của dự án.

b) Trường hợp các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại quy định này có quyền lợi, ưu đãi cao hơn so với quyền lợi, ưu đãi mà nhà đầu tư được hưởng theo các Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 05/2008/QĐ-UBND ngày 17/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung việc áp dụng một số chính sách ưu đãi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành tại Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 14/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi như sau:

- Được hưởng theo chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại quy định này cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày Quyết định ban hành kèm theo Quy định này có hiệu lực thi hành.

- Chỉ hỗ trợ cho các chi phí, hạng mục của dự án thực hiện sau ngày Quyết định ban hành kèm theo Quy định này có hiệu lực thi hành.

- Không hỗ trợ và hồi tố chi phí đối với các nội dung, hạng mục của dự án thực hiện trước ngày Quyết định ban hành kèm theo Quy định này có hiệu lực thi hành.

### 3. Xử lý khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình thực hiện quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan và nhà đầu tư phản ánh đến Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ, xử lý kịp thời.

### **Điều 18. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dự án đầu tư**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đối với các dự án đầu tư ngoài Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp;

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đối với các dự án đầu tư trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Trà Vinh.

**Điều 19. Thủ tục, quy trình hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp và trình tự giải quyết các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

**Điều 20. Khen thưởng, xử lý kỷ luật**

Tổ chức và cá nhân thực hiện tốt Quy định này hoặc có sáng kiến trong tổ chức thực hiện nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho nhà đầu tư và hiệu quả trong quản lý, điều hành của Nhà nước được khen thưởng theo quy định. Nguồn kinh phí khen thưởng quy định tại Điều này được chi từ quỹ khen thưởng thuộc ngân sách tỉnh theo quy định.

Cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh có hành vi vi phạm, không tạo điều kiện hoặc không thực hiện Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đông Văn Lâm**